

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng năm 2026

## **GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

### **CHỦ TỊCH UBND TỈNH BẮC NINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 276/TTr-SNNMT ngày 13/3/2026.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH VietNam Akros LDS System, địa chỉ: Lô H1-6, Cụm công nghiệp đa nghề Đông Thọ, xã Văn Môn, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Dự án nhà máy Akros LDS System” tại một phần lô H1-6, Cụm công nghiệp đa nghề Đông Thọ, xã Văn Môn, tỉnh Bắc Ninh với các nội dung như sau:

#### **1. Thông tin chung của Dự án:**

1.1. Tên dự án: Dự án nhà máy Akros LDS System.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô H1-6, Cụm công nghiệp đa nghề Đông Thọ (Thuê tầng 1 nhà xưởng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thương mại và Công nghệ TST), xã Văn Môn, tỉnh Bắc Ninh.

### 1.3. Giấy đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên mã số doanh nghiệp 2301373104 do Phòng Đăng ký kinh doanh và Quản lý doanh nghiệp thuộc Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh cấp, đăng ký lần đầu ngày 04/12/2025.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 1037075284 do Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh cấp chứng nhận lần đầu ngày 30/11/2025.

### 1.4. Mã số thuế: 2301373104.

1.5. Loại hình sản xuất: Sản xuất thiết bị truyền thông, chi tiết: Gia công linh kiện ăng ten NB và gia công linh kiện ăng ten máy POS.

### 1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

#### 1.6.1. Phạm vi:

- Diện tích: 2.205m<sup>2</sup> (Thuê lại tầng 1 Nhà xưởng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thương mại và Công nghệ TST).

- Nhóm dự án:

+ Dự án thuộc nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

+ Dự án thuộc nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và số thứ tự 1, Mục I, Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

#### 1.6.2. Quy mô, công suất của dự án:

Sản xuất thiết bị truyền thông, chi tiết: Gia công linh kiện ăng ten NB và gia công linh kiện ăng ten máy POS (Mã ngành theo VSIC: 2630), cụ thể:

- Gia công linh kiện ăng ten NB: 4.000.000 sản phẩm/năm ổn định;

- Gia công linh kiện ăng ten máy POS: 720.000 sản phẩm/năm ổn định.

#### 1.6.3. Quy trình công nghệ sản xuất:

- Quy trình sản xuất linh kiện ăng ten NB và gia công linh kiện ăng ten máy POS:

Nguyên liệu (Vỏ nhựa) → Khắc laser → Lên hàng → Xử lý bề mặt → Rửa nước → Mạ đồng sơ bộ → Rửa nước → Mạ đồng dày → Rửa nước → Ngâm sơ bộ → Hoạt hóa Palladium → Rửa nước → Mạ Niken → Rửa nước → Mạ vàng → Rửa nước → Thụ động hóa → Rửa nước → Làm sạch siêu âm → Rửa nước → Rửa nước nóng → Xuống hàng → Tách nước → Sấy khô → Kiểm tra → Đóng gói.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH VietNam Akros LDS System

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH VietNam Akros LDS System có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh, UBND xã Tam Giang nếu xảy ra các sự cố đối với công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường được cấp, phải kịp thời báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh, UBND xã Tam Giang để kiểm tra, xem xét, giải quyết theo quy định.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: Đến hết ngày 15/12/2035 (*Theo thời hạn thuê nhà xưởng tại Hợp đồng thuê nhà xưởng ký ngày 15/12/2025 giữa Công ty Cổ Phần Tập đoàn Thương mại và Công nghệ TST và Công ty TNHH VietNam Akros LDS System*).

**Điều 4.** Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định

tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Nông nghiệp và Môi trường, Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 1086/QĐ-SNNMT ngày 08/12/2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Ninh: Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu và kết quả thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án “Dự án nhà máy Akros LDS System”.

**Điều 5.** Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh; UBND xã Văn Môn, Công ty TNHH VietNam Akros LDS System và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Giấy phép môi trường này thi hành./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 5;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP, THĐT; Trung tâm Thông tin tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (trả kết quả);
- Phòng QLMT-Sở NN&MT (lưu hồ sơ);
- Lưu: VT, KTN Tân

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đào Quang Khải**

**Phụ lục 1****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND  
ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

---

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**

Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất của dự án được thu gom và dẫn vào hệ thống xử lý nước thải (XLNT) công suất 30m<sup>3</sup>/ngày đêm của đơn vị cho thuê nhà xưởng (Công ty Cổ phần Tập đoàn Thương mại và Công nghệ TST, theo hợp đồng nguyên tắc thuê nhà xưởng ngày 15/12/2025) do Công ty Cổ phần Tập đoàn Thương mại và Công nghệ TST đầu tư xây dựng và quản lý vận hành, để xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của Cụm công nghiệp (CCN) đa ngành Đông Thọ; sau đó, đấu nối với hệ thống thu gom nước thải và đưa về trạm XLNT tập trung của CCN đa ngành Đông Thọ, để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT, cột A, trước khi thải ra môi trường.

Dự án không xả nước thải trực tiếp ra môi trường. Vì vậy, dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép xả thải.

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XLNT****1. Công trình, biện pháp thu gom, XLNT****1.1. Mạng lưới thu gom, xử lý nước thải:**

- Lượng nước thải được thu gom, dẫn về hệ thống XLNT tập trung công suất 30m<sup>3</sup>/ngày đêm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thương mại và Công nghệ TST để xử lý gồm:

+ Nước thải sinh hoạt: Phát sinh khoảng 1,89m<sup>3</sup>/ngày, được thu gom bằng đường ống UPVC D160 dài 56m, dẫn về bể tự hoại 3 ngăn (thể tích 12,6m<sup>3</sup>), để xử lý sơ bộ, sau đó tiếp tục được dẫn về bể điều hòa của hệ thống XLNT tập trung của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thương mại và Công nghệ TST.

+ Nước thải sản xuất phát sinh khoảng 20,61m<sup>3</sup>/ngày từ công đoạn tẩy rửa, xả cặn máy hơi nước và nước thải của hệ thống lọc RO, được thu gom riêng qua đường ống DN90 (dài 50m) và DN60 (dài 40m), dẫn về hệ thống XLNT tập trung công suất 30m<sup>3</sup>/ngày đêm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thương mại và Công nghệ TST, để xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của CCN đa ngành Đông Thọ.

- Lượng nước thải/dung dịch thải không xả hàng ngày, quản lý như chất thải nguy hại: Phát sinh từ việc xả cặn, thay dung dịch định kỳ tại các bể mạ và nước thải từ hệ thống xử lý khí thải khoảng 8,4 m<sup>3</sup>/ngày. Toàn bộ lượng này được thu gom riêng, không đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung và được chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

### 1.2. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục do tổng lưu lượng thải nhỏ hơn ngưỡng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 09/2026/NĐ-CP.

### 1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống XLNT:

- Phối hợp chặt chẽ với đơn vị cho thuê nhà xưởng (Công ty Cổ phần Tập đoàn Thương mại và Công nghệ TST) để định kỳ kiểm tra, bảo trì hệ thống đường ống thu gom, hố ga, tránh rò rỉ hoặc tắc nghẽn.

- Duy trì vận hành bể tự hoại đúng quy trình: Định kỳ nạo vét bùn lắng (dự kiến 1 năm/lần) và chuyển giao đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

- Biện pháp ứng phó sự cố: Trong trường hợp hệ thống XLNT của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thương mại và Công nghệ TST gặp sự cố không thể tiếp nhận nước thải:

+ Chủ dự án cam kết khóa van xả nước thải ngay lập tức để tạm dừng việc thoát nước về hệ thống XLNT.

+ Nếu sự cố không được khắc phục trong vòng 24 giờ, Chủ dự án sẽ thuê đơn vị chức năng đến hút toàn bộ nước thải phát sinh vận chuyển đi xử lý, không để tràn ra môi trường.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình XLNT.

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thực hiện thu gom, xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của dự án, thu gom nước thải sản xuất và đấu nối với hệ thống thu gom, XLNT 30m<sup>3</sup>/ngày đêm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thương mại và Công nghệ TST (tại Lô H1-6, CCN đa nghề Đông Thọ), không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung Giấy phép môi trường đã được cấp, Chủ dự án phải báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Ninh để kiểm tra, xem xét, giải quyết theo quy định./.

**Phụ lục 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ**  
**MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND  
ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

---

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

**1. Nguồn phát sinh khí thải: 05 nguồn.**

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ máy khắc laser.
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ khu vực mạ vàng.
- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ khu vực mạ đồng.
- Nguồn số 04 : Khí thải phát sinh từ khu vực mạ niken.
- Nguồn số 05 : Khí thải phát sinh từ khu vực xử lý bề mặt.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả thải**

**2.1. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**

- Dự án có 03 dòng khí thải, cụ thể:

+ Dòng khí thải số 01 (Hệ thống OK1): Khí thải sau hệ thống thu gom, xử lý khí thải từ máy khắc laser (nguồn số 01), khu vực mạ vàng (nguồn số 02) và khu vực mạ niken (nguồn số 04); tọa độ vị trí xả thải: X=2342778.29; Y=390634.95.

+ Dòng khí thải số 02 (Hệ thống OK2): Khí thải sau hệ thống thu gom, xử lý khí thải từ khu vực xử lý bề mặt (nguồn số 05); tọa độ vị trí xả thải: X=2342775.18; Y =390640.12.

+ Dòng khí thải số 03 (Hệ thống OK3): Sau hệ thống xử lý khí thải từ khu vực mạ đồng (nguồn số 03); tọa độ vị trí xả thải: X=2342772.69; Y=390644.72.

*(Theo Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 107°00', múi chiều 3°)*

**2.2. Lưu lượng khí thải lớn nhất: 36.000m<sup>3</sup>/giờ.**

- Dòng khí thải số 01: 12.000m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng khí thải số 02: 12.000 m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng khí thải số 03: 12.000m<sup>3</sup>/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí, xả liên tục trong quá trình hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT, cột B: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, như sau:

STT	Thông số	Đơn vị tính	QCVN 19:2024/BTNMT, cột B
<b>I</b>	<b>Dòng khí thải số 01</b>		
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	-
2	Bụi	mg/Nm <sup>3</sup>	≤80
3	Amoniac (NH <sub>3</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	≤20
4	Hơi H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	≤20
5	Axit clohydric (HCl)	mg/Nm <sup>3</sup>	≤15
6	Crom (Cr) và hợp chất Cr (tính theo Cr)	mg/Nm <sup>3</sup>	≤1
7	Niken (Ni) và hợp chất Ni (tính theo Ni)	mg/Nm <sup>3</sup>	≤2
<b>III</b>	<b>Dòng khí thải số 02</b>		
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	-
2	Hơi H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	≤20
3	Axit clohydric (HCl)	mg/Nm <sup>3</sup>	≤8
<b>II</b>	<b>Dòng khí thải số 03</b>		
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	-
2	Formaldehyt (HCHO)	mg/Nm <sup>3</sup>	≤15
3	Đồng (Cu) và hợp chất Cu (tính theo Cu)	mg/Nm <sup>3</sup>	≤5

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Hệ thống OK1: Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ máy khắc laser (nguồn số 01) khu vực mạ vàng (nguồn số 02) và khu vực mạ niken (nguồn số 04) thông qua chụp hút (kích thước 1200mm\*600mm), dẫn qua đường ống chính Ø600 về hệ thống xử lý, công suất tối đa 12.000m<sup>3</sup>/giờ.

- Hệ thống OK2: Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ khu vực xử lý bề mặt (nguồn số 05) thông qua chụp hút (kích thước 1200mm\*600mm), dẫn qua đường ống dẫn khí thải Ø600 về hệ thống xử lý, công suất tối đa 12.000m<sup>3</sup>/giờ.

- Hệ thống OK3: Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ khu vực mạ đồng (nguồn số 03) thông qua chụp hút (kích thước 1200mm\*600mm), dẫn qua hệ thống ống thép mạ kẽm về hệ thống xử lý, công suất tối đa 12.000m<sup>3</sup>/giờ.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải: 03 hệ thống xử lý khí thải.

1.2.1. Hệ thống xử lý khí thải số 01 (OK1): Thu gom, xử lý khí thải từ máy khắc laser (nguồn số 01), khu vực mạ vàng (nguồn số 02) và khu vực mạ niken (nguồn số 04).

- Quy trình xử lý: Khí thải → Chụp hút (03 chụp hút tại 03 bể mạ vàng, 30 chụp hút tại 30 máy khắc laser, 02 chụp hút tại 02 bể thụ động hóa, 04 chụp hút từ 04 bể mạ niken) → Đường ống thu gom → Tháp hấp thụ 02 cấp (cấp 1 dùng NaOH, cấp 2 dùng NaClO) → Tháp hấp phụ (Than hoạt tính) → Quạt hút → Ống thoát khí → Môi trường.

- Công suất thiết kế: 12.000m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Dung dịch NaOH, dung dịch NaOCl và than hoạt tính.

1.2.2. Hệ thống xử lý khí thải số 02 (OK2): Thu gom, xử lý khí thải từ khu vực xử lý bề mặt (nguồn số 05).

- Quy trình xử lý: Khí thải → Chụp hút (08 chụp hút) → Đường ống thu gom → Tháp hấp thụ (dung dịch NaOH) → Quạt hút → Ống thoát khí → Môi trường.

- Công suất thiết kế: 12.000m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất sử dụng: Dung dịch kiềm NaOH.

1.2.3. Hệ thống xử lý khí thải số 03 (OK3): Thu gom, xử lý khí thải từ khu vực mạ đồng (nguồn số 03).

- Quy trình xử lý: Khí thải → Chụp hút (20 chụp hút từ 20 bể mạ đồng) → Đường ống thu gom → Tháp hấp thụ (dung dịch NaOH) → Quạt hút → Ống thoát khí → Môi trường.

- Công suất thiết kế: 12.000m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất sử dụng: Dung dịch kiềm NaOH.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Quan trắc, giám sát nội bộ chất lượng khí thải tại các ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải thoát ra môi trường với tần suất hợp lý để phục vụ công tác quản lý, giám sát môi trường của cơ sở khi hoạt động.

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống phải được tập huấn và thao tác đúng cách khi có sự cố phát sinh và luôn có mặt tại vị trí khi vận hành.

- Thực hiện bảo dưỡng định kỳ các thiết bị cơ điện, quạt hút và đường ống với tần suất 06 tháng/lần để đảm bảo hiệu suất xử lý.

- Định kỳ 03 tháng/lần lấy mẫu than hoạt tính tại tháp hấp phụ để phân tích; tiến hành thay mới vật liệu khi chỉ số Iod giảm xuống dưới 300mg/g.

- Hằng ngày, kiểm tra hệ thống để kịp thời phát hiện và khắc phục các sự cố có thể xảy ra.

- Trường hợp khi có sự cố xảy ra: Dừng ngay hoạt động sản xuất làm phát sinh sự cố và ảnh hưởng tới môi trường; báo cáo cơ quan chức năng trong trường hợp gây thiệt hại đến người và tài sản; khắc phục sự cố, đảm bảo hệ thống xử lý khí thải đạt tiêu chuẩn sau khi khắc phục.

- Thực hiện nghiêm túc việc vận hành các hệ thống xử lý khí thải. Nếu trường hợp xảy ra sự cố không thể tự khắc phục được ngay, Chủ dự án thông báo cho cơ quan chức năng để có hướng dẫn về phương án khắc phục.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ 03-06 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực thi hành (dự kiến từ tháng 05/2026 đến tháng 11/2026).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Bao gồm 03 hệ thống xử lý khí thải:

- Hệ thống xử lý khí thải số 01 (OK1): Thu gom, xử lý khí thải khu vực khắc laser, mạ vàng và mạ niken; công suất 12.000m<sup>3</sup>/giờ.

- Hệ thống xử lý khí thải số 02 (OK2): Thu gom, xử lý khí thải khu vực xử lý bề mặt; công suất 12.000m<sup>3</sup>/giờ.

- Hệ thống xử lý khí thải số 03 (OK3): Thu gom, xử lý khí thải khu vực mạ đồng; công suất 12.000m<sup>3</sup>/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại lỗ lấy mẫu trên 03 ống thoát khí thải sau các hệ thống xử lý (OK1, OK2 và OK3), trước khi xả ra môi trường.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

### **2.3. Tần suất lấy mẫu:**

Theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này, trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý khí thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

3.5. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu ra môi trường.

3.6. kê khai phí bảo vệ môi trường đối với khí thải theo quy định./.

### Phụ lục 3

## BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

#### 1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tiếng ồn và rung từ máy móc, thiết bị sản xuất.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn và rung từ khu vực quạt hút của các hệ thống xử lý khí thải.
- Nguồn số 03: Tiếng ồn và độ rung từ khu vực máy phát điện dự phòng.

#### 2. Tiếng ồn, độ rung:

Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

##### 2.1. Tiếng ồn:

Bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (khu vực E - Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung và các công trình công nghiệp theo quy định pháp luật:

Ban ngày (06 giờ đến trước 18 giờ) (dBA)	Tối (18 giờ đến trước 22 giờ) (dBA)	Ban đêm (22 giờ đến trước 6 giờ) (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
70	65	60	Không thuộc đối tượng	Khu vực E

##### 2.2. Độ rung:

Bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (khu vực D - Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung và các công trình công nghiệp theo quy định pháp luật):

Ngày (06 giờ đến trước 22 giờ) (dB)	Đêm (22 giờ đến trước 06 giờ) (dB)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
75	70	Không thuộc đối tượng	Khu vực D

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

### **1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

#### **1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn**

- Thực hiện lắp đặt máy móc, thiết bị đúng yêu cầu kỹ thuật nhằm làm giảm chấn động khi hoạt động, như: Xây dựng bệ máy cho mỗi loại máy, cân bằng máy khi lắp đặt để giảm rung,...

- Bố trí khoảng cách giữa các máy móc, thiết bị có độ ồn lớn hợp lý.

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị để đảm bảo máy luôn trong tình trạng hoạt động tốt.

- Trang bị cho công nhân vận hành các trang thiết bị chống ồn như nút bịt tai, quần áo bảo hộ,...

- Bố trí thời gian nhập nguyên liệu hợp lý, hạn chế nhập nguyên liệu vào thời điểm có nhiều công nhân hoạt động.

- Định kỳ kiểm tra sức khỏe cho người lao động, đặc biệt là yếu tố thính lực.

- Tuyên truyền giáo dục về mức độ nguy hại của tiếng ồn, độ rung đối với sức khỏe, tổ chức các khóa huấn luyện về vấn đề an toàn và sức khỏe cho công nhân.

- Đối với tiếng ồn phát sinh từ các phương tiện giao thông, vận tải:

+ Không sử dụng các phương tiện đã quá cũ gây ra tiếng ồn và độ rung cao.

+ Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các phương tiện vận tải.

+ Các phương tiện giao thông vận tải phải được tiến hành đăng kiểm theo đúng quy định của pháp luật.

+ Yêu cầu các phương tiện vận chuyển hạn chế nổ máy trong thời gian dừng chờ bốc dỡ nguyên vật liệu và sản phẩm.

#### **1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung**

- Thực hiện lắp đặt máy móc, thiết bị đúng yêu cầu kỹ thuật nhằm làm giảm chấn động khi hoạt động, như: Xây dựng bệ máy cho mỗi loại máy, cân bằng máy khi lắp đặt để giảm rung,...

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị để đảm bảo máy luôn trong tình trạng hoạt động tốt.

- Trang bị cho công nhân vận hành các trang thiết bị chống ồn như nút bịt tai, quần áo bảo hộ,...

- Tuyên truyền giáo dục về mức độ nguy hại của tiếng ồn, độ rung đối với sức khỏe, tổ chức các khóa huấn luyện về vấn đề an toàn và sức khỏe cho công nhân.

- Đối với tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các phương tiện giao thông, vận tải:

+ Không sử dụng các phương tiện đã quá cũ gây ra tiếng ồn và độ rung cao.

+ Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các phương tiện vận tải.

+ Các phương tiện giao thông vận tải phải được tiến hành đăng kiểm theo đúng quy định của pháp luật.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND*  
*ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:  
Khoảng 462 Kg/năm.

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:  
Khoảng 943 Kg/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:  
Khoảng 21 Kg/ngày.

1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát:  
Khoảng 590.804 Kg/năm.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, CTNH**

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ CTNH:

- Kho/khu vực lưu chứa: 01 kho chứa CTNH, diện tích 24m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Nền chống thấm, có rãnh và hố thu gom CTNH dạng lồng phòng cho sự cố khi thùng chứa, bao bì chứa không bị rò rỉ, thủng, nứt vỡ. Có các thiết bị phòng cháy chữa cháy, như: Bình xịt chữa cháy xách tay, bao chữa cháy,... có cửa đóng mở khi ra vào và có biển cảnh báo CTNH theo quy định.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường: 01 kho lưu giữ chất thải thông thường, diện tích 10m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa chất thải công nghiệp thông thường: Có kết cấu thép, tôn bao quanh, nền bê tông.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Khu vực lưu chứa chất sinh hoạt: Sử dụng 02 xe đẩy dung tích khoảng 1m<sup>3</sup>/xe, được đặt bên trong kho lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường (diện tích 10m<sup>2</sup>).

- Thiết kế, cấu tạo: Do đặt trong kho chất thải thông thường nên tận dụng kết cấu nền bê tông, tường bao và mái che kín để tránh mưa nắng và đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Quản lý: Rác thực phẩm được chứa riêng trong thùng nắp kín 40 lít trước khi đưa ra xe đẩy tập kết; khu vực được trang bị đầy đủ dụng cụ phòng cháy chữa cháy và biển báo chung cho kho chất thải thông thường.

**B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy trình của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và CTNH theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và Thông tư số 09/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ CTNH, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và Thông tư số 09/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường (không bao gồm chất thải ký hiệu TT-R), CTNH cho đơn vị chức năng theo quy định./.

**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND  
ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

Không có.

**D. CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

**Công ty TNHH Akros LDS System có trách nhiệm thực hiện:**

1. Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường được cấp.

2. Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực của dự án.

3. Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình hoạt động của dự án; định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

4. Vận hành thường xuyên hệ thống xử lý khí thải để xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra ngoài môi trường.

5. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án với Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ít nhất 10 (mười) ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

6. Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-

CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và Thông tư số 09/TT-BNNMT.

7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4 kèm theo, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép được cấp có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

**Phụ lục 8**

**XÁC NHẬN DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC DANH MỤC PHÂN LOẠI XANH**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND  
ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

**A. NỘI DUNG XÁC NHẬN DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC DANH MỤC PHÂN LOẠI XANH**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh.

**B. CÁC YÊU CẦU KHÁC**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện các yêu cầu khác